gàng gǎn

杠杆

Noun · lever; pry bar

Example Sentences

wǒ yòng gàng gǎn qiào kāi le xiāng zi
我 用 杠 杆 撬 开 了 箱 子。

I used a lever to pry open the box.

nǐ néng jiě shì yí xià wèi shén me gàng gǎn yuè cháng jiù yuè shěng lì ma
你 能 解释 一下，为 什 么 杠 杆 越 长 就越 省 力吗？

Can you explain why a longer lever saves more effort?

tā shì tú yòng gàng gǎn qiào dòng jù shí dàn zuì zhōng méi yǒu chéng gōng
他试图 用 杠 杆 撬 动 巨石，但最 终 没有 成 功 。

He tried to pry the huge rock with a lever, but ultimately did not succeed.
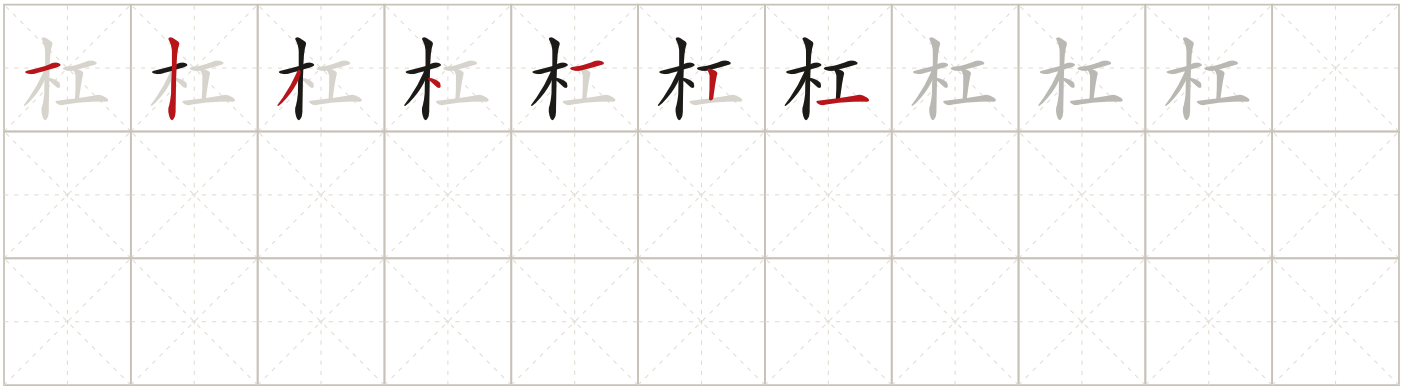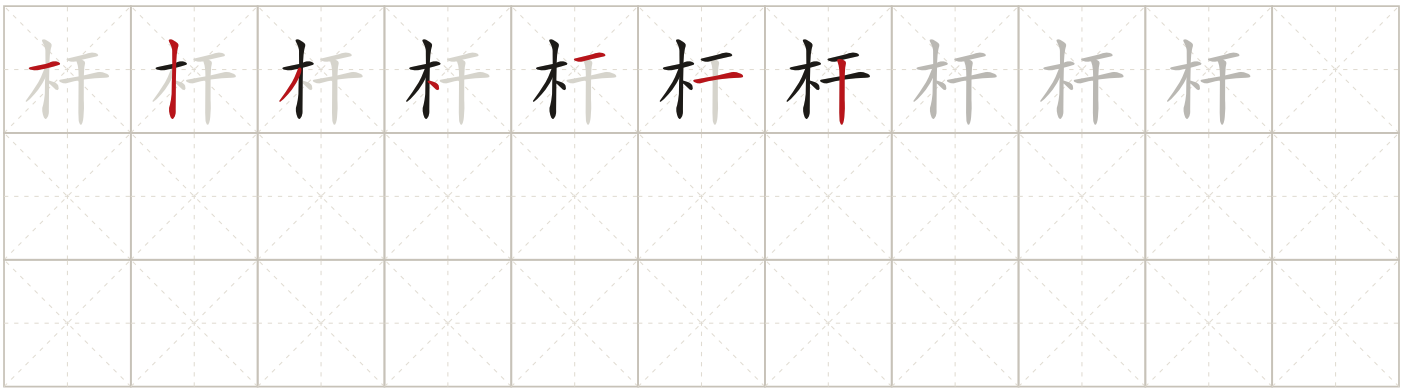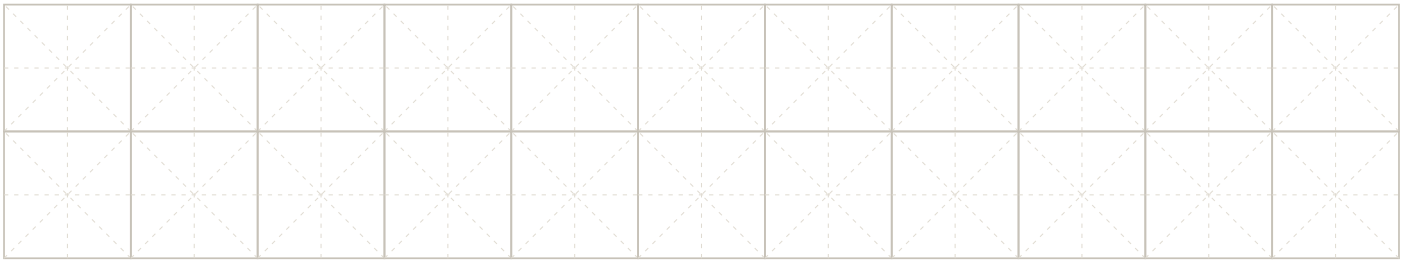
Trace each character, then write the word on your own.